



rén gōng

人工

Adjective · man-made; artificial

Example Sentences

zhè shì rén gōng zuò de
这是人工做的。

This is made by hand.

zhè ge hú bó shì rén gōng wā jué de bìng fēi zì rán xíng chéng
这个湖泊是人工挖掘的，并非自然形成。

This lake was artificially excavated, not formed naturally.

wèi shén me zhè ge tián wèi jì shì rén gōng hé chéng de
为什么这个甜味剂是人工合成的？

Why is this sweetener artificially synthesized?

Trace each character, then write the word on your own.

人	人	人	人	人															
工	工	工	工	工	工														